TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2023/QĐST- DS	*N, ngày 10 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 357; 430; 434; 440; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số Dân sự số 22/2023/TLST – DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023. Về việc: Tranh chấp Hợp đồng mua bán**.**

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Đội 5, Thôn Đ, xã Gi, huyện Gi, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Vũ Đình Th, sinh năm 1991; Chị Nguyễn Thị M sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Phố L, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thoả thuận của các đơng sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ vợ chồng anh Th chị M phải thanh toán cho bà L là 190.324.000 đồng (một trăm chín mươi triệu ba trăm hai mươi tư nghìn đồng).

2.2.Thời điểm thanh toán: Khi Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Th, chị M nhận nộp toàn bộ là 4.758.000đ (bốn triệu bẩy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Trả lại cho Bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số AA/2023/0000353 ngày 13/10/2023 là 4.758.000đ (bốn triệu bẩy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND huyện N.
- THADS huyện N.
-- Lu HS./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh